

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 24-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nghiêm Thế Hùng

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Quỳnh M** (tên gọi khác: Trắng), sinh ngày 20 tháng 8 năm 1988 tại Gia Lai. Nơi ĐKKHKT: Tổ 01, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: Nhà trọ 131/7 đường Lê Duẩn, tổ 06, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hoàng P1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1949; có chồng tên Nguyễn Quốc D, sinh năm 1984 và 01 người con sinh năm 2009;

Tiền án: 01 lần. Tại Bản án hình sự Phúc thẩm số 32/2019/HS-PT ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt bị cáo 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26-9-2019 đến ngày 05-10-2019 bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1954; địa chỉ: 196 Lê Duẩn, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Đặng Quốc B, sinh năm 1980; địa chỉ: 131/7 Lê Duẩn, tổ 6, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người chứng kiến

Ông Trần Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 6, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Quỳnh M là người sử dụng chất ma túy. Vào tối ngày 24/9/2019, M đang đi ngoài đường (không rõ đường nào, trên địa bàn thành phố Pleiku) thì được một người bạn tên T (không rõ lai lịch) cho 02 gói ma túy. M đã nhận và cất giữ trong người và mang 02 gói ma túy này về để vào rổ nhựa trên bàn trong phòng trọ số 18, nhà trọ 131/7 đường Lê Duẩn, tổ 6, phường P, thành phố P. Đến 17 giờ 30 phút ngày 25/9/2019, khi thấy lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an tỉnh Gia Lai phối hợp với Công an phường Phù Đồng, thành phố P đến kiểm tra nhà trọ thì M đã cầm rổ nhựa trên đi vào trong nhà vệ sinh, rồi vứt 02 gói ma túy ra ngoài qua lỗ hồng của cửa thông gió thì bị phát hiện. Lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an tỉnh Gia Lai đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với M và thu giữ tang vật, gồm: 01 gói nilon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng và 01 gói nilon bên trong chứa chất rắn màu xanh (đã được đánh số “01” và “02” niêm phong theo quy định); 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng - đen, cùng sim số; 01 điện thoại di động hiệu VTREU màu tím có bàn phím, cùng sim số. Công an tỉnh Gia Lai đã chuyển Vũ Quỳnh M cùng hồ sơ ban đầu và các tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku để điều tra, xử lý.

Tại Bản kết luận giám định số 582/KLGD ngày 04/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, đã kết luận: “*Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01(một) gói nilon trong bì thư ghi “01” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại **Methamphetamine**; khối lượng **0,8094 gam**. Chất màu xanh dạng cục, bột trong 01 (một) gói nilon trong bì thư ghi “02” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại **MDMA**; khối lượng **0,4557 gam**”.*

Đối với các chất ma túy còn lại sau giám định trong 02 bì công văn, đánh số “01”, “02” được dán kín ghi cùng Số 582/PC09, ngày 04 tháng 10 năm 2019, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai chuyển theo vụ án để xử lý.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS, ngày 03-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo Vũ Quỳnh M về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Đồng thời cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số 582/KLGD ngày 04/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai; không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Vũ Quỳnh M; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Quỳnh M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Vũ Quỳnh M mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù đã bị tuyên phạt tại Bản án phúc thẩm số 32 ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt tại bản án ngày hôm nay để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/9/2019 và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước đây (từ ngày 05/01/2019 đến ngày 04/3/2019)

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo M chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng - đen, cùng 01 sim mặt sau có dãy số 8984.04800.00415.45000 và chiếc điện thoại di động hiệu Vtretu màu tím, có bàn phím cùng sim số có ghi số 0984.04800.00421.14351;

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi giám định trong 02 bì công văn dán kín ghi “Số 582/PC09, ngày 04 tháng 10 năm 2019”, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Vũ Quỳnh My phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Quỳnh M không có ý kiến tranh luận về luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku.

Bị cáo Vũ Quỳnh M nói lời nói sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử bị cáo đã nhận thấy hành vi đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Quỳnh M là hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Lúc 17 giờ 30 phút ngày 25/6/2019, tại phòng trọ số 18, nhà trọ số 131/7 đường Lê Duẩn, tổ 06, phường Phù Đồng, thành phố

P, tỉnh Gia Lai, khi Vũ Quỳnh M đang cất giấu 01 gói nilon bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,8094gam và 01 gói nilon bên trong chứa chất ma túy loại MDMA, có khối lượng 0,4557gam với mục đích để sử dụng, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an tỉnh Gia Lai bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

[3] Methamphetamine và MDMA là các chất ma túy nằm trong danh mục I, II được ban hành kèm theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 về việc ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất. Việc sản xuất, vận chuyển, tàng trữ các chất ma túy này phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Do đó, Hành vi tàng trữ 0,4557 gam ma túy loại MDMA và 0,8094 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng, do bị cáo Vũ Quỳnh M thực hiện như đã nêu trên đã xâm phạm chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ các chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,8094gam và chất ma túy loại MDMA có khối lượng 0,4557gam trong cùng một điểm của khoản 1, 2, 3, 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, vì vậy theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì tổng khối lượng của 02 chất ma túy loại Methamphetamine và MDMA là **1,2651gam** thuộc điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên thuộc trường hợp quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

[5] Theo quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:.....c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;.....;.....i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc tổng thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này*”. Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Quỳnh M đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo Vũ Quỳnh M là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chưa được xóa tích mà lại cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên bị cáo Vũ Quỳnh M phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Bị cáo Vũ Quỳnh M là người đã trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy để sử dụng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chính sách quản lý độc quyền chất ma túy của nhà nước, xâm phạm trật tự trị an xã hội, bản thân bị cáo là người có sử dụng ma túy, biết được tác hại của ma túy là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác; bị cáo đã có tiền án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên cố ý cất giữ 0,4557 gam MDMA và 0,8094 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, và phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Tại bản án hình sự phúc thẩm số 32/2019/HSPT, ngày 26-06-2019 của Tòa án nhân tỉnh Gia Lai xử phạt bị cáo Vũ Quỳnh M 15 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đến ngày 25-09-2019 bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc bị cáo Vũ Quỳnh M phải chấp hành hình phạt của Bản án số 32/2019/HSPT, ngày 26-06-2019 của Tòa án nhân tỉnh Gia Lai và tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

[10] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập cũng như tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Đối với đối tượng tên T, là người mà bị cáo M khai đã cho My 02 gói ma túy. Do My không biết được nhân thân, lai lịch của T nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đang tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau. Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với phòng trọ số 18 nhà trọ 131/7 đường Lê Duẩn, tổ 06, phường P, thành phố P - nơi bị cáo M ở và cất giấu ma túy là do Đặng Quốc B thuê để ở. Vào ngày 24/9/2019, bị cáo M mang 02 gói ma túy đến cất giấu và ở tại đây thì B không biết nên không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với ông Nguyễn Khắc H là chủ nhà trọ 131/7 đường Lê Duẩn, tổ 06, phường P, thành phố P, việc M đến ở và tàng trữ trái phép chất ma túy tại phòng trọ số 18 do Đặng Quốc B thuê thì ông H hoàn toàn không biết nên không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về vật chứng: Đối với chất ma túy còn lại sau giám định, trong 02 phong bì cùng ghi số 582/PC09 ngày 04-10-2019 đánh số lần lượt “01”, “02” có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ phải tịch thu tiêu hủy.

[15] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu I Phone cùng sim số và chiếc điện thoại di động hiệu Vtretu cùng sim số thu giữ của bị cáo Vũ Quỳnh M là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Quỳnh M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Vũ Quỳnh M **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù của Bản án số 32/2019/HSPT ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo Vũ Quỳnh M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **03** (ba) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 26 tháng 9 năm 2019) và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2019 đến ngày 04/3/2019.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ, sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) phong bì cùng ghi số 582/PC09 ngày 04/10/2019 đánh số lần lượt “01”; “02” có đóng dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai;

Trả lại cho bị cáo Vũ Quỳnh M: 01 (một) điện thoại Iphone bên ngoài bọc vỏ màu đen, viền ngoài màn hình màu trắng số IMEI 353801085510851 và 01 sim số có ghi dãy số 8984.04800.00415.45000 (điện thoại cũ đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại hiệu Vtretu màu tím có bàn phím và 01 sim số có ghi dãy số 8984.04800.00421.14351 (điện thoại cũ đã qua sử dụng)

(Tất cả vật chứng nêu trên có số lượng, đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Quỳnh M phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Công Tôn